

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày 03 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Em - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1996, tại tỉnh Vĩnh Long

Nơi cư trú: số nhà M, tổ T1, ấp T2, xã T3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Trường T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2003; bị cáo có chồng tên Phạm Trương Thế V, sinh năm 1992; một con tên Phạm Võ Bảo N, sinh ngày 24/12/2017; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Ngọc K (có mặt) và Luật sư Nguyễn Quyết Q (vắng mặt) - Chi nhánh Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị hại: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: số nhà H, đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ:

Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Hồng S - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh V. Ông Cao Hồng S ủy quyền ông Trần P, sinh năm 1972 - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh V. Địa chỉ liên hệ: số nhà B1, đường B2, phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Phan Thị Hồng H, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: số nhà C, Khóm N, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1973 (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: số nhà C, ấp V, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/3/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh V (sau đây viết tắt: Ngân hàng S) nhận hai món tiền gồm:

+ Một món tiền do Võ Thị Ngọc T đang hợp tác lao động ở Nhật Bản gửi em ruột Võ Thị Ngọc H, số tiền 1.981,01 USD, tỷ giá quy đổi sang tiền Việt Nam là 22.785đ/USD, tương đương tiền Việt Nam 45.137.313đ.

+ Một món tiền từ nước ngoài chuyển khách hàng Trần Đức Hoa C, số tiền 23.782,81 USD, tỷ giá quy đổi sang tiền Việt Nam là 22.785đ/USD, tương đương tiền Việt Nam 541.891.326đ.

Cùng ngày 09/3/2017, Giao dịch viên Phan Thị Hồng H đã nhầm lẫn hai khoản tiền trên, đã chuyển vào tài khoản số K của Võ Thị Ngọc H món tiền lẽ ra thuộc người nhận Trần Đức Hoa C. Chênh lệch số tiền bị cáo H nhận là 496.754.013đ.

Khi có tin nhắn điện thoại báo được chuyển tiền đến, H đã đến ATM trước trụ sở Ngân hàng S tại thành phố V rút 04 lần với tổng cộng số tiền 40.000.000đ. Tin nhắn báo còn tiền trong tài khoản nên H vào ngân hàng rút một lần 200.000.000đ, một lần rút 300.000.000đ. Tổng cộng rút số tiền 540.000.000đ.

H sử dụng tiền rút được trả nợ di ruột tên Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 180.000.000đ, ông ngoại H tên Nguyễn Văn T số tiền 110.000.000đ và trả một số người khác, tiêu xài cá nhân, không nhớ rõ. H cất giữ 110.000.000đ.

Hai ngày sau là ngày 11/3/2017, chị Phan Thị Hồng H phát hiện chuyển nhầm tiền nên báo cáo sự việc với lãnh đạo ngân hàng. Ngân hàng S thông báo H biết, yêu cầu H trả lại tiền chuyển nhầm.

Được ngân hàng thông báo, H lấy số tiền 110.000.000đ đang cất giữ trả ngân hàng 100.000.000đ, giữ lại 10.000.000đ. Hai ngày 15, 16/3/2017, H gặp dì ruột tên Nguyễn Thị Mỹ L, ông ngoại tên Nguyễn Văn T đề nghị nhận lại số tiền đã trả trước đó và được chị L, ông T giao trả lại tổng cộng 290.000.000đ. H nộp trả ngân hàng 200.000.000đ, giữ lại 90.000.000đ.

Ngày 27/3/2017, H nộp trả ngân hàng 30.000.000đ và nộp Cơ quan cảnh sát điều tra như sau: ngày 12/6/2017 nộp 16.754.000đ, ngày 03/7/2017 nộp 5.000.000đ, ngày 04/7/2017 nộp 5.000.000đ, tổng cộng nộp 26.754.000đ. Tổng cộng H nộp trả ngân hàng 356.754.000đ, còn lại 140.000.000đ không khả năng giao nộp. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm dừng xác minh tin báo, tố giác tội phạm từ ngày 06/11/2017. Đến ngày 30/9/2018, H vẫn không trả lại ngân hàng số tiền chuyển nhầm nên Cơ quan cảnh sát điều tra phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Cáo trạng số 10/CT-VKSTPVL ngày 14/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long truy tố bị cáo Võ Thị Ngọc H “Tội chiếm giữ trái phép tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Võ Thị Ngọc H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh mà bị cáo bị truy tố, nhưng bị cáo cho rằng việc giữ lại số tiền 140.000.000đ vì hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, mẹ ruột của bị cáo bệnh hiểm nghèo, bản thân bị cáo mang thai, sinh con, nên số tiền 140.000.000đ đã chi xài hết, không khả năng khắc phục.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia xét xử đã trình bày luận tội:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 176; Điều 65; điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 166, 579 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Võ Thị Ngọc H.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Thị Ngọc H phạm “Tội chiếm giữ trái phép tài sản”; xử phạt bị cáo H từ 09 tháng - 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Buộc bị cáo H trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 140.000.000đ. Buộc bị cáo H nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 7.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Luật sư Phạm Ngọc K trình bày bào chữa: Luật sư đồng ý tình tiết, nội dung vụ án và tội danh mà Cáo trạng truy tố bị cáo. Tuy nhiên, Luật sư đề nghị

Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét lại ý thức chiếm giữ tài sản của bị cáo, vì bị cáo và ngân hàng có xác lập văn bản thỏa thuận. Bị cáo ngay tình trong việc chiếm giữ tài sản, đã thực hiện nộp trả lại tiền theo thỏa thuận với ngân hàng. Bị cáo không phải cố tình không trả lại tiền, vì cố tình tức là cố tài sản mà không trả, mà bị cáo thuộc trường hợp không có khả năng kinh tế để trả lại tiền. Luật sư đồng ý quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã nêu đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với bị cáo, nhưng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là ở mức cao của khung hình phạt. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử quyết định bị cáo hình phạt thấp nhất trong khung hình phạt bị truy tố.

Bị cáo H không tham gia tranh luận, không ý kiến đối đáp; trong phần nói sau cùng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Bị cáo có hai người bào chữa là Luật sư Nguyễn Quyết Q, Luật sư Phạm Ngọc K. Tại phiên tòa sơ thẩm, Luật sư Nguyễn Quyết Q gửi văn bản đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy, Luật sư Q vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bị cáo H đồng ý xét xử vắng mặt Luật sư Q, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bào chữa Nguyễn Quyết Q.

[3] Quan hệ sở hữu là quan hệ xã hội trong đó quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản được pháp luật tôn trọng, bảo vệ. Hành vi xâm hại sở hữu trong vụ án này là số tiền mà ngân hàng chuyển nhầm. Bị cáo được ngân hàng chuyển số tiền 23.782,81 USD vào tài khoản ngày 09/3/2017, sau khi khấu trừ với số tiền 1.981,01 USD mà bị cáo được chị Võ Thị Ngọc T chuyển thì số tiền chênh lệch đã quy đổi sang tiền Việt Nam là 496.754.013đ, cần trả lại ngân hàng. Ngày 11/3/2017, bị cáo biết rõ sự việc ngân hàng chuyển tiền nhầm và ngân hàng đã có yêu cầu được nhận lại tiền. Lẽ ra, bị cáo phải giao trả lại ngân hàng toàn bộ số tiền 496.754.013đ do chuyển nhầm. Bị cáo đã nộp trả ngân hàng nhưng không trả hết mà còn giữ lại số tiền 10.000.000đ của lần nộp ngày 11/3/2017 và 90.000.000đ của lần nộp ngày 16/3/2017.

Luật sư bào chữa bị cáo cho rằng bị cáo không có ý thức cố tình chiếm giữ tài sản, vì bị cáo đã thực hiện theo thỏa thuận với ngân hàng. Hội đồng xét xử nhận thấy, các biên bản làm việc của ngân hàng với bị cáo các ngày 11/3/2017, 16/3/2017, 27/3/2017 ghi nhận sự việc ngân hàng chuyển nhầm tiền, đề nghị bị cáo chuyển trả lại ngân hàng toàn bộ số tiền chuyển nhầm và ghi nhận ý kiến của bị cáo về việc cam kết trả lại tiền ngân hàng. Luật sư cho rằng bị cáo thực hiện theo thỏa thuận với ngân hàng là chưa đúng tính chất sự việc.

Bị cáo có trình độ văn hóa lớp 12/12, đủ năng lực để hiểu biết các kiến thức chung về pháp luật, biết rõ số tiền 496.754.013đ không thuộc quyền sở hữu của H, phải có nghĩa vụ trả lại chủ sở hữu hoặc giao nộp cơ quan có trách nhiệm, nhưng vì động cơ vụ lợi đã cố tình không trả lại và giữ lại chiếm hữu, sử dụng với lỗi cố ý trực tiếp. Tội phạm hoàn thành từ thời điểm ngày 11/3/2017, bị cáo H cố tình giữ lại số tiền 10.000.000đ và ngày 16/3/2017 cố tình giữ lại số tiền 90.000.000đ, không trả ngân hàng hết số tiền bị cáo đang có.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Võ Thị Ngọc H phạm “Tội chiếm giữ trái phép tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng đã truy tố bị cáo H “Tội chiếm giữ trái phép tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội là phụ nữ có thai; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị hại cũng có lỗi. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi và đang mang thai lần thứ hai. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng bị cáo H quy định tại điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là không có.

[5] Qua xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhân thân tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, cho bị cáo hưởng án treo. Bị cáo không nghề nghiệp, tình hình tài sản, thu nhập khó khăn, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự, án phí: Ngân hàng S yêu cầu bị cáo H trả lại ngân hàng số tiền 140.000.000đ. Yêu cầu này của Ngân hàng S là có căn cứ, buộc bị

cáo H trả Ngân hàng S số tiền 140.000.000đ. Buộc bị cáo H nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 7.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ quan điểm của Luật sư bào chữa bị cáo H như nhận định ở trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 176; Điều 65; điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 166, 579 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo Võ Thị Ngọc H.

1. Tuyên bố bị cáo Võ Thị Ngọc H phạm “Tội chiếm giữ trái phép tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng. Thời hạn thử thách của bị cáo được tính từ ngày tuyên án 03/4/2019.

Giao bị cáo Võ Thị Ngọc H cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Võ Thị Ngọc H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Võ Thị Ngọc H trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí: Buộc bị cáo Võ Thị Ngọc H nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.000.000đ (bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo Võ Thị Ngọc H, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát cùng cấp: 1;
- Viện kiểm sát tỉnh: 1;
- Công an: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Sở Tư pháp: 1;
- Bị cáo: 1;
- Đường sự khác: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Vân